

Số: /BC-BCĐ

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2022**  
**và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022**

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO**

Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam được kiện toàn tại Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số đã ban hành Quy chế hoạt động tại Quyết định số 171/QĐ-BCĐ ngày 23/12/2021. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 23/12/2021; Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 27/12/2022. Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo đã phê duyệt danh sách thành viên Tổ Công tác tại Quyết định số 66/QĐ-TCT ngày 30/12/2021.

Năm 2022, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số đã chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu ban hành một số văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

*(Danh mục các văn bản ban hành trong phụ lục I).*

- Chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Triển khai trang bị thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; triển khai thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động của Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Hà Nam; hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng; thực hiện kết nối Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ chính phủ số, triển khai nền tảng Bản đồ số...

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số để công khai các bài toán chuyển đổi số quốc gia, của tỉnh và các bài toán chuyển đổi số của các doanh nghiệp; phổ biến các kinh nghiệm chuyển đổi số, mô hình chuyển đổi số điển hình...

- Chỉ đạo đẩy mạnh sử dụng Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử; hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; thư điện tử công vụ; các cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành khác.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh: Đến nay, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam cơ bản đáp ứng các nhóm chức năng theo yêu cầu; được Bộ Công an tổ chức đánh giá an toàn thông tin: Đạt yêu cầu để tham gia kết nối khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày 16/11/2022, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam đã được kết nối, khai thác chính thức Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đã triển khai thí điểm 02 dịch vụ công liên thông (Liên thông đăng ký khai sinh; đăng ký thường trú; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Liên thông đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú; trợ cấp mai táng phí) từ ngày 21/11/2022.

## II. KẾT QUẢ

### 1. Tình hình thực hiện mục tiêu

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2022 (%)
1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100
2	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi có tài khoản thanh toán	85,1
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	68,8
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	70,0
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	88,5
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	66,7
7	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	32,8
8	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	48,8

### 2. Nhận thức số

#### a) Ngày Chuyển đổi số

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2483/KH-UBND ngày 16/9/2022 về tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- 100% các cơ quan đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10.

- Chuyên mục Chuyển đổi số trên Báo điện tử và báo in trong tuần lễ hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và đã đăng tải trên 30 tin/bài về chuyển đổi số. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện đậm nét tin, bài, phóng sự về chuyển đổi số trên chuyên mục Chuyển đổi số và trong các chương

trình thời sự phát thanh, truyền hình. Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam thường xuyên đăng tải thông tin, nội dung chương trình chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Hệ thống truyền thanh cấp huyện, đài truyền thanh cơ sở đã phát sóng gần 500 tin, bài tuyên truyền về nội dung chuyển đổi số.

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã thực hiện tuyên truyền Bộ Công cụ nhận diện Ngày chuyển đổi số quốc gia 10.10 và đăng tải tin bài về các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, doanh nghiệp, các trường học, các cửa hàng điện máy, cơ sở kinh doanh đã đồng loạt treo băng rôn, khẩu hiệu trên bảng Led trước trụ sở, trung tâm hành chính và khu vực đông dân cư về Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022. Đồng thời tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với cuộc sống nói riêng và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung của tỉnh, của đất nước trên tinh thần **“Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”**.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Nhận thức rõ về “chuyển đổi số” là bước phát triển tất yếu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, Hà Nam đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa của chuyển đổi số tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhằm tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số; đồng thời chia sẻ các câu chuyện chuyển đổi số của cơ quan trên Chuyên mục T63 của Bộ Thông tin và Truyền thông (<https://t63.mic.gov.vn>) để cùng nhau đi đến thành công trong tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

c) Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức viên chức và người lao động tham gia vào kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo. Qua đó cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cập nhật đầy đủ thông tin mới nhất về chuyển đổi số, kiến thức, những câu chuyện, sáng kiến, mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số, tra cứu văn bản, tài liệu hướng dẫn...

- Tuyên truyền các buổi tập huấn, các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được hướng dẫn cách tham gia kênh Zalo “Chuyển đổi số quốc gia” để kịp thời nhận được, nắm bắt, cập nhật các chủ trương, định hướng, thông tin về các hoạt động chuyển đổi số quốc gia, các bộ, ngành, địa phương, làm nền tảng kiến thức phục vụ cho việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân.

- Ngành Giáo dục: Tuyên truyền, chia sẻ QR code tới các nhóm Zalo (Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam), Viber (Giáo dục Hà Nam), Facebook (Diễn đàn Giáo dục Hà Nam) để lan tỏa chương trình “chuyển đổi số quốc gia” tới cán bộ, giáo viên toàn ngành. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên có tham gia mạng xã hội đã được tiếp cận, xem thông tin về chuyển đổi số quốc gia tương đối cao.

### 3. Thể chế số

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành các nghị quyết, quyết định, chương trình hành động triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số quốc gia, ngày 25/4/2022, Tỉnh ủy Hà Nam đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là một trong những bước đột phá để tỉnh có thể đi nhanh trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Ngay sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU, để triển khai, thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, xây dựng, ban hành Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số tại tỉnh Hà Nam.

### 4. Hạ tầng số

- Máy tính và mạng cục bộ: Hiện nay, 100% các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đều có mạng cục bộ và kết nối Internet. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên là 100%. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức cấp xã là 85%.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu: Đã trang bị một số máy chủ và các thiết bị cần thiết tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng: Triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II cho 138 cơ quan, đơn vị (100% các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã) để triển khai các dịch vụ, các nền tảng số phục vụ việc quản lý, điều hành chung của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin.

- 100% các xã, phường, thị trấn đều có đường truyền cáp quang, Internet cung cấp đến tận thôn, tổ dân phố; 100% dân số được phủ sóng thông tin di động 2G; 95% dân số được phủ sóng thông tin di động 3G, 4G.

### 5. Dữ liệu số

- Các hệ thống thông tin dùng chung gồm có: Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống thư điện tử; Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

- Hiện tại, một số phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được xây dựng và triển khai tại một số cơ quan như: Kế toán của tất cả các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; Quản lý các đối tượng người có công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Quản lý cấp phép lái xe, Quản lý phương tiện thủy nội địa của Sở Giao thông Vận tải; Quản lý hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế cho các cơ sở y tế trên toàn tỉnh; Quản lý hộ tịch của Sở Tư pháp....

- Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam đã được kết nối, khai thác chính thức Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngành Y tế triển khai sử dụng thẻ căn cước công dân trong khám, chữa bệnh thay thế thẻ Bảo hiểm y tế; rà soát, thống kê xây dựng dữ liệu thông tin về lực lượng y sĩ, bác sĩ, trạm y tế, bệnh viện, nhà thuốc... và kết nối vào cơ sở dữ liệu ngành y tế, chuẩn bị cho việc kết nối, xác thực với phần mềm dịch vụ công liên thông và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; các nhiệm vụ về làm sạch dữ liệu, cấp căn cước công dân và cấp tài khoản định danh điện tử đã cơ bản hoàn thành. Năm 2022, Hà Nam xếp thứ 13 toàn quốc về cấp căn cước công dân, đứng thứ nhất về thực hiện chỉ tiêu kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

- Đang triển khai Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính để tích hợp, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu với Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam.

## **6. Nền tảng số**

- Đã triển khai thử nghiệm Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Hà Nam (LGSP) và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của quốc gia. Đang thực hiện các thủ tục để triển khai chính thức LGSP. Hiện tại đã kết nối LGSP với NGSP của một số hệ thống chuyên ngành của các bộ, ngành trung ương như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp), Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài Chính), Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông), Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và đang triển khai kết nối khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã sẵn sàng trên NDXP.

- 100% các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, giúp tối ưu quy trình khám chữa bệnh, nâng cao công tác quản trị bệnh viện, giảm thiểu sai sót, tăng độ chính xác trong công tác thanh, quyết toán bảo hiểm y tế.

- Đã cấp gần 2.000 chứng thư số cho cơ quan, đơn vị. Các cơ quan đã sử dụng chữ ký số của cơ quan; chữ ký số của cá nhân để ký số trên văn bản điện tử.

- Đã triển khai việc kết nối, tích hợp chữ ký số công cộng lên Công Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hà Nam để phục vụ người dân và doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong việc nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện.

## **7. Nhân lực số**

- Tại mỗi Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đều có 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (quản trị mạng), trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên. Nhân lực quản trị và vận hành hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đều có trình độ đại học trở lên về công nghệ thông tin.

tin, một số cán bộ, công chức, viên chức đã có các chứng chỉ quốc tế. Hàng năm, các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đều được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

- Bên cạnh đó, nhiều cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thị xã, thành phố đã có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1273/KH-UBND ngày 17/5/2022 về bồi dưỡng chuyên đổi số cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh năm 2022; kết quả: đã chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng về chuyên đổi số cho 679 đối tượng lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo nguồn của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh bằng hình thức trực tuyến.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng cho cán bộ quản trị mạng của 20 Sở, ban, ngành và 06 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Tổ chức 02 hội nghị tập huấn cho thành viên Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Tổ chức diễn tập thực chiến với hệ thống trang thông tin điện tử Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông với tất cả các thành viên Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tham gia; Tổ chức hội nghị tập huấn chữ ký số và dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Toàn tỉnh đã thành lập 100% Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn (109 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 555 thành viên, 686 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 3.430 thành viên). Đã tổ chức các lớp đào tạo tập huấn cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp. Tổng số lượt học viên tham gia các lớp tập huấn trên là 5.800 người.

### **8. An toàn thông tin mạng**

- Đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng có nhiệm vụ tổ chức điều phối, hỗ trợ các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức ứng cứu các sự cố máy tính, mạng máy tính trên địa bàn tỉnh. Năm 2022, Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng đã tổ chức tập huấn và diễn tập phòng chống tấn công phá hủy, lộ lọt dữ liệu cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 04/4/2022 về việc xác định cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam, Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Hà Nam, Trung tâm Giám sát điều hành thông minh tỉnh Hà Nam.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành nhiều công văn cảnh báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản cảnh báo, hướng dẫn xử lý các lỗ hổng bảo mật của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đang triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tỉnh Hà Nam nhằm đáp ứng triển khai an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông (đã triển khai thử nghiệm từ năm 2020, đang thực hiện các thủ tục để triển khai chính thức).

## **9. Chính quyền số**

### **a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ**

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đảm bảo liên thông được 4 cấp chính quyền từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh, trung ương. Đến nay, 100% các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã ứng dụng phần mềm vào công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành trung ương qua trục liên thông văn bản quốc gia.

- Hệ thống thư điện tử của tỉnh đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỷ lệ cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc là 95%.

- Đã triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; triển khai hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Đã triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp huyện (tổng số 116 điểm cầu), có kết nối với Chính phủ. Hệ thống hội nghị truyền hình hoạt động thường xuyên từ Trung ương đến tỉnh, từ huyện đến xã mang lại hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, điều hành và tiết kiệm thời gian, chi phí.

### **b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**

#### **- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam:**

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam đã được cập nhật khá đầy đủ thông tin. Cập nhật nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp thông tin hữu ích phục vụ người dân và doanh nghiệp; trả lời kịp thời câu hỏi thắc mắc của người dân và doanh nghiệp; trung bình hằng tháng cập nhật 85 tin, bài. Nhiều chuyên mục trên cổng đã được thiết kế, tạo lập và cập nhật thông tin.

Cổng thành phần của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã tạo đủ các mục thông tin chủ yếu theo quy định. Hầu hết các cơ

quan đã cập nhật đầy đủ thông tin vào các mục. Trung bình hằng tháng có 35 tin, bài được cập nhật trên mỗi cổng thành phần.

- Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam:

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh cung cấp tất cả các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình. Tích hợp trên 70% dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam cung cấp tổng số 1.741 bộ thủ tục hành chính. Trong đó, dịch vụ công trực tuyến chiếm 95,7% (877 dịch vụ trực tuyến toàn trình; 789 dịch vụ công trực tuyến một phần).

+ Năm 2022: Tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,21%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 66,75%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 32,82%.

+ Năm 2023: 03 tháng đầu năm, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 85,54%, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 54,19%.

- Triển khai phát triển đô thị thông minh:

Đã xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Hà Nam, bao gồm: Máy tính chuyên dụng, màn hình hệ thống thiết bị mạng và các thiết bị phụ trợ khác để vận hành khai thác dữ liệu; thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Hà Nam.

Hiện nay, đã tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin hiện có của các Sở, ngành về Trung tâm điều hành thông minh, cụ thể các phần mềm ứng dụng tích hợp online: Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, Quản lý văn bản và điều hành, Y tế, Trung tâm Điều hành thông minh Phủ Lý (đã tích hợp 10 Camera). Các chỉ số cơ bản về kinh tế - xã hội được các ngành cung cấp số liệu và cập nhật vào hệ thống định kỳ.

Đã xây dựng Trung tâm Điều hành đô thị thông minh thành phố Phủ Lý để thu thập, phân tích, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của thành phố.

## **10. Kinh tế số**

- Tỉnh Hà Nam có 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, tập trung chủ yếu tại thành phố Phủ Lý và trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ước tính là 2.697 doanh nghiệp. Khoảng 2.777 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số.

- Thương mại điện tử:

Sở Công Thương phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương triển khai 02 đề án phát triển thương mại điện tử: Đề án “Xây dựng, phát triển bộ thương hiệu trực tuyến cho một số sản phẩm của tỉnh Hà Nam”, đề án “Đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử trên địa bàn



tỉnh Hà Nam". Các đề án được triển khai đều bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp tham gia và có tài khoản bán hàng/gian hàng trên sàn, có tài khoản thanh toán điện tử; tổ chức hội nghị tập huấn cho 31 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia lớp đào tạo, tập huấn về phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh; khai thác, mở rộng mạng lưới phân phối, bán lẻ trên sàn giao dịch thương mại điện tử cho các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Sở Công Thương, Bưu điện tỉnh Hà Nam, Chi nhánh Bưu chính Viettel Hà Nam đã bảo đảm đầy đủ nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ để phục vụ việc quản lý và vận hành các sàn thương mại điện tử: Sàn thương mại điện tử tỉnh "Santhuongmaihanam.com.vn", Voso, PostMart phục vụ các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia giao dịch trên sàn; thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn nghiệp vụ về thương mại điện tử; xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn các hộ sản xuất nông nghiệp đăng ký tài khoản và đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; phát triển App của các sàn thương mại điện tử sử dụng trên điện thoại thông minh nhằm tạo lập một kênh quảng bá thông tin, sản phẩm xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam tới các đối tác trong và ngoài nước đơn giản và hiệu quả; nâng cao hình ảnh, thương hiệu sản phẩm của tỉnh trên thị trường.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Bưu điện tỉnh, Chi nhánh Bưu chính Viettel Hà Nam, các đơn vị liên quan hỗ trợ 40 hộ sản xuất nông nghiệp với 250 sản phẩm nông sản của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử: Voso, Postmart...; hỗ trợ 10 cơ sở sản xuất nông sản đưa các sản phẩm lên hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm tỉnh Hà Nam <https://hna.check.net.vn/>. Các sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đạt chứng nhận VietGap, OCOP... đa dạng về mẫu mã, bao bì, bảo đảm điều kiện, quy định về tem, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nên nhận được sự tin tưởng của khách hàng.

- Nộp thuế điện tử: 99,7% số doanh nghiệp của tỉnh đã nộp thuế điện tử.
- Hóa đơn điện tử: 100% số doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.
- Có 133/134 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định.
- Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng tên miền .vn ước tính là 2.960.

## **11. Xã hội số**

- Hoạt động của người dân trên môi trường mạng đã ghi nhận sự tăng trưởng cả về số lượng người sử dụng và thời lượng sử dụng.
- Số lượng tài khoản giao dịch của cá nhân mở tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Nam là 802.597 tài khoản.

- Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân khoảng 1.840 chữ ký.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông ước tính là 47,3%.

- Đã triển khai hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân qua hình thức trực tuyến: Chuyên mục Hỏi đáp trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử... Điều này góp phần thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc giải quyết các vấn đề của chính quyền.

- Đang triển khai gán mã, thông báo địa chỉ số đến từng hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích.

- Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các nền tảng số như phần mềm tập huấn giáo viên, sổ liên lạc điện tử, phần mềm dạy học trực tuyến; sổ sức khỏe điện tử phần mềm tiêm chủng mở rộng; thanh toán số; hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử, mô hình chợ 4.0 thanh toán số; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử... Qua công tác tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, người dân bước đầu đã làm quen với khái niệm chuyển đổi số, từng bước cài đặt và sử dụng các ứng dụng thông minh phục vụ công việc và cuộc sống. Qua các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng đã có hơn 430 đường Internet được người dân đăng ký mới; 1.125 thuê bao đi động nâng cấp sim 4G; hơn 350 tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt được đăng ký; 13 doanh nghiệp đăng ký sử dụng chữ ký số...

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Ưu điểm**

- Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm và đạt được kết quả tích cực. Điển hình là đã ban hành được Nghị quyết của Tỉnh ủy; Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số.

- Hạ tầng số, các nền tảng số được phát triển, triển khai ứng dụng tại tỉnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chuyển đổi số. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam đã được kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an.

+ 100% các xã, phường, thị trấn đều có đường truyền cáp quang, Internet cung cấp đến tận thôn, tổ dân phố; 100% dân số được phủ sóng thông tin di động 2G; 95% dân số được phủ sóng thông tin di động 3G, 4G.

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II được kết nối, liên thông đến 100% các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Năm 2022: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến năm 2022, đạt 66,75%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 32,82%, vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ giao.

+ Năm 2023: 03 tháng đầu năm, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 85,54%, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 54,19%.

- Các tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập đạt 100%, đã hoạt động tích cực ở một số địa phương, góp phần nâng cao kỹ năng số cho người dân.

## **2. Tồn tại và nguyên nhân**

- Hạ tầng số, các nền tảng số chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra; trang thiết bị, máy móc làm việc còn hạn chế, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, đặc biệt ở cấp xã, do đó việc thực hiện số hóa hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến tại còn nhiều hạn chế; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội còn thiếu. Nhiều cơ sở dữ liệu triển khai còn chậm. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa hiệu quả.

- Việc xác định, phân loại, xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin còn hạn chế vì là một lĩnh vực khó, đòi hỏi có kiến thức chuyên sâu về an toàn thông tin.

- Việc đồng bộ tình hình, kết quả xử lý hồ sơ của các thủ tục hành chính của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia mới đạt 94,91%. Do một số thủ tục hành chính chưa được chuẩn hóa giữa thủ tục hành chính của tỉnh với thủ tục hành chính của bộ, ngành trung ương.

- Việc đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử mới chủ yếu được áp dụng với các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và các hộ điển hình, đối với đại đa số các hộ thì còn mới, việc tiếp cận công nghệ thông tin còn chậm.

- Một số tổ trưởng của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn do tuổi cao, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin chậm; một số thành viên không có điện thoại thông minh. Do đó việc trao đổi, triển khai các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên các nhóm Zalo chưa đạt hiệu quả cao.

- Có nhiều người dân dùng điện thoại thông minh nhưng không sử dụng dịch vụ mạng, trình độ sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế nên việc hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt sử dụng các dịch vụ số còn gặp nhiều khó khăn.

- Tại một số cơ quan: Chưa sử dụng đầy đủ quy trình phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, chưa vào đủ lịch công tác; một số cơ quan tỉ lệ sử dụng chữ ký số chưa cao; một số cơ quan văn bản đi chỉ sử dụng chữ ký số cơ quan, không sử dụng chữ ký số cá nhân lãnh đạo; văn bản đi Ủy ban nhân dân cấp xã của huyện Bình Lục, Duy Tiên ít.

*(Số liệu cụ thể trong phụ lục II).*

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thực tế trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử còn thấp; hồ sơ trực tuyến chủ yếu do cán bộ một cửa trực tiếp hướng dẫn người dân và doanh nghiệp nhập vào hệ thống khi mang hồ sơ

giấy đến nộp; một số cơ quan có một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến (Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp).

*(Số liệu cụ thể trong phụ lục III).*

- Một số cơ quan cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử còn chưa kịp thời.

*(Số liệu cụ thể trong phụ lục IV).*

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Từng bước đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phục vụ của các cơ quan dựa trên công nghệ số; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số. Sử dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về phát triển hạ tầng, nền tảng số để đảm bảo đáp ứng cho việc xây dựng, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

Theo Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2023.

### **II. NHIỆM VỤ**

#### **1. Nhận thức số**

##### **a) Ngày Chuyển đổi số**

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

##### **b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số**

Tìm kiếm, phát hiện những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

##### **c) Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo**

Tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, người dân tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

c) Thống nhất nhận thức chung về sự khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nhận thức về chuyển đổi số; về sự khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **2. Thể chế số**

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách về chuyển đổi số: Nghị quyết của HĐND tỉnh về giảm phí, lệ phí đối với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích hằng năm cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị; sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật; ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số...

- Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh xây dựng phát triển Chính quyền số, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số.

- Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

## **3. Hạ tầng số**

- Thực hiện phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G; phổ cập điện thoại thông minh cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã đảm bảo quy định.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Triển khai Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 701/KH-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **4. Dữ liệu số**

- Hoàn thành Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính để tích hợp, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam; triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Nam.

- Tiếp tục xây dựng và phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu trọng điểm phục vụ cho các mục đích tra cứu, tìm kiếm và khai thác thông tin của người sử dụng trên môi trường mạng: Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hà Nam; Cơ sở dữ liệu lưu trữ;

Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức; Cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử... tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.

- Tiếp tục triển khai xây dựng và nâng cấp một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu công tác hiện nay.

### **5. Nền tảng số**

- Triển khai chính thức LGSP và kết nối với NDXP để khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia. Tiếp tục thực hiện tích hợp kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin của cơ quan Trung ương.

- Tiếp tục triển khai cấp chứng thư số cá nhân và cơ quan, tổ chức cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Tiếp tục triển khai tích hợp chữ ký số vào các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh nhằm bảo đảm tính pháp lý và trao đổi văn bản, tài liệu an toàn trên môi trường mạng; mở rộng triển khai ứng dụng chữ ký số trên các nền tảng di động để thuận lợi cho người sử dụng.

- Triển khai áp dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia. Triển khai Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh Nền tảng hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử.

### **6. Nhân lực số**

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị mạng, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng. Triển khai phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên nền tảng trực tuyến. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

### **7. An toàn thông tin mạng**

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tích cực tham gia vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo các hệ thống thông tin đều được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt cho các hệ thống thông tin.

- Xây dựng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng cho các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị; tổ chức các cuộc diễn tập xử lý các sự cố tấn công mạng.

- Triển khai hoạt động hiệu quả của Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tỉnh Hà Nam, đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 04/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

## **8. Chính quyền số**

- Duy trì hoạt động hiệu quả của các hệ thống thông tin: Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hà Nam; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.

- Triển khai chính thức Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh tới các Sở, ban, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống báo cáo Quốc gia.

- Tăng cường, sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

- Tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đảm bảo cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên toàn trình.

- Số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đẩy mạnh xử lý hồ sơ trực tuyến, hồ sơ thanh toán trực tuyến.

- Duy trì hoạt động hiệu quả Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh, là nơi cung cấp số liệu trực quan, chính xác, kịp thời phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Triển khai đầu tư nâng cấp mở rộng tiện ích Trung tâm Điều hành đô thị thông minh thành phố Phủ Lý.

## **9. Kinh tế số**

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh Hà Nam với một trong những trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp sản phẩm công nghệ số, phát triển nội dung số, quảng cáo số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền

tăng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nền tảng số để ứng dụng vào sản xuất, hướng dẫn các doanh nghiệp có hướng chuyển đổi số nhằm tiết kiệm nhân công, tăng sản lượng đầu ra...

- Xây dựng, phát triển thị trường thương mại số phát triển bền vững, ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng; phân tích, sử dụng dữ liệu để hỗ trợ người dân, hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp tiếp cận thị trường trong nước và thế giới; hỗ trợ sản xuất sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, đưa ra các cảnh báo về tình hình sâu bệnh, quản lý, giám sát gia súc, gia cầm, vật nuôi nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và rủi ro thị trường gây ra; hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử.

- Số hóa dữ liệu về các di tích lịch sử văn hóa, danh lam, thắng cảnh, các khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

## **10. Xã hội số**

- Khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ khám bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế; Triển khai gán mã, thông báo địa chỉ số đến các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích trên địa bàn tỉnh.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tham mưu hoàn thiện Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2023 để trình Ban Chỉ đạo ký ban hành.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số và định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo.



## **2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Nghiêm túc, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2023; định kỳ 06 tháng, 01 năm, đột xuất báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CPVP, VXNV;
- Lưu: VT, VXNV<sub>(D)</sub>..

**KT.TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Nguyễn Đức Vượng**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN BAN HÀNH NĂM 2022**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số)*

<b>TT</b>	<b>Số ký hiệu, ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>
1.	Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/4/2022	Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
2.	Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
3.	Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	Về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam
4.	Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành mã định danh của các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương và giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Nam
5.	Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	Về việc giao chỉ tiêu cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Nam
6.	Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	Về việc phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Hà Nam
7.	Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	Thành lập Tổ phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam
8.	Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện số hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam
9.	Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Thay thế thành viên Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số và lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam
10.	Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 04/4/2022	Về việc xác định cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam

TT	Số ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu
11.	Kế hoạch số 998/KH-UBND ngày 15/4/2022	Triển khai thực hiện thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng số quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Nam
12.	Kế hoạch số 1233/KH-UBND ngày 13/5/2022	Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022
13.	Chương trình số 1247/CTr-UBND ngày 16/5/2022	Chương trình Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Nam
14.	Kế hoạch số 1273/KH-UBND ngày 17/5/2022	Bồi dưỡng chuyển đổi số cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh năm 2022
15.	Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 22/5/2022	Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2022
16.	Kế hoạch số 1539/KH-UBND ngày 16/6/2022	Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam
17.	Kế hoạch số 1555/KH-UBND ngày 17/6/2022	Thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022
18.	Kế hoạch số 1559/KH-UBND ngày 17/6/2022	Thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"
19.	Kế hoạch số 1564/KH-UBND ngày 20/6/2022	Thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Hà Nam
20.	Kế hoạch số 1796/KH-UBND ngày 15/7/2022	Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Hà Nam
21.	Kế hoạch số 2009/KH-UBND ngày 01/8/2022	Triển khai Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Hà Nam

<b>TT</b>	<b>Số ký hiệu, ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu</b>
22.	Kế hoạch số 2199/KH-UBND ngày 19/8/2022	Triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử
23.	Kế hoạch số 2483/KH-UBND ngày 16/9/2022	Tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam
24.	Kế hoạch số 2522/KH-UBND ngày 20/9/2022	Thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia về hợp trực tuyến thế hệ mới cho cơ quan Nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Nam
25.	Kế hoạch số 2936/KH-UBND ngày 01/11/2022	Triển khai Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam
26.	Kế hoạch số 3397/KH-UBND ngày 14/12/2022	Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam năm 2023
27.	Công văn số 918/UBND-KGVX ngày 06/4/2022	Về việc thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, tổ dân phố
28.	Công văn số 1540/UBND-KGVX ngày 16/6/2022	Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia
29.	Công văn số 1557/UBND-KGVX ngày 17/6/2022	Về việc thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến
30.	Công văn số 2318/UBND-KGVX ngày 29/8/2022	Về việc tập trung thúc đẩy sử dụng các Nền tảng số trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022.
31.	Công văn số 2484/UBND-KGVX ngày 16/9/2022	Về việc triển khai thực hiện Công văn số 5591/VPCP-KSTT ngày 26/8/2022 của Văn phòng Chính phủ
32.	Công văn số 2806/UBND-KGVX ngày 19/10/2022	Về việc triển khai sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh

**Phụ lục II**  
**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ VĂN BẢN VÀ ĐIỀU HÀNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số)*

STT	Tên đơn vị	Văn bản đến						Văn bản đi				
		Tổng số văn bản đến	VB đến được lãnh đạo duyệt trên hệ thống	Hoàn toàn điện tử	Song song bản giấy - điện tử	VB Nội tỉnh - có ký số	VB Nội tỉnh - không ký số	Tổng số văn bản đi	Song song bản giấy - điện tử	Văn bản được ký số, gửi trên hệ thống		Văn bản không ký số
										Ký số 1 lần	Ký số nhiều lần	
1	Văn Phòng UBND tỉnh	28484	28484	26885	1599	16169	6897	4068	0	43	4025	0
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	4220	4220	4220	0	2099	2082	312	0	149	5	158
3	Sở Công thương	6358	6358	5368	990	5486	369	2156	524	4	2144	8
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	8305	8305	7519	786	5976	1602	4521	273	1100	3408	13
5	Sở Giao thông vận tải	9402	9402	8858	544	4348	2016	3045	0	0	3034	11
6	Sở Khoa học và Công nghệ	3192	3192	3191	1	2429	679	958	0	16	939	3
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11832	11832	11829	3	9507	1776	3082	0	32	2944	106
8	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội	5144	5144	5134	10	4222	425	1320	0	196	665	459
9	Sở Nội vụ	7249	7249	6283	966	5395	1557	2185	37	18	2167	0
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7015	7015	6783	232	5357	919	2706	0	0	2678	28
11	Sở Thông tin và Truyền thông	6701	6701	5704	997	5203	581	3041	1	924	2071	46
12	Sở Tài nguyên và Môi	11372	11372	11339	33	9120	872	4002	0	55	3791	156

STT	Tên đơn vị	Văn bản đến						Văn bản đi				
		Tổng số văn bản đến	VB đến được lãnh đạo duyệt trên hệ thống	Hoàn toàn điện tử	Song song bản giấy - điện tử	VB Nội tỉnh - có ký số	VB Nội tỉnh - không ký số	Tổng số văn bản đi	Song song bản giấy - điện tử	Văn bản được ký số, gửi trên hệ thống		Văn bản không ký số
										Ký số 1 lần	Ký số nhiều lần	
	trường											
13	Sở Tư pháp	6190	6190	5237	953	3789	1826	1539	1	104	1414	21
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5362	5362	4804	558	4357	314	2100	0	12	2084	4
15	Sở Xây dựng	9012	9012	7990	1022	8441	475	3343	0	12	3330	1
16	Sở Tài chính	11741	11741	11734	7	9152	2442	2385	0	388	1980	17
17	Sở Y tế	11390	11390	11235	155	5427	4294	4044	0	53	3846	145
18	Thanh tra tỉnh	3664	3664	3664	0	3231	317	821	0	0	813	8
19	Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao	2102	2102	2035	67	1682	420	447	10	0	385	62
20	Ban Quản lý Các khu Công nghiệp	4769	4769	4049	720	4447	275	2906	0	351	2542	13
21	UBND huyện Thanh Liêm	7067	7067	7052	15	6592	449	7169	0	0	6984	185
22	Xã/thị trấn huyện Thanh Liêm	23045	23045	23044	1	18859	4186	3035	0	23	2404	608
23	UBND huyện Lý Nhân	7453	7453	7439	14	6941	474	7540	0	247	7292	1
24	Xã/thị trấn huyện Lý Nhân	67105	67105	67064	41	63739	3366	3132	385	744	2248	140
25	UBND huyện Bình Lục	7090	7090	7085	5	6649	412	2329	0	371	1950	8

STT	Tên đơn vị	Văn bản đến						Văn bản đi				
		Tổng số văn bản đến	VB đến được lãnh đạo duyệt trên hệ thống	Hoàn toàn điện tử	Song song bản giấy - điện tử	VB Nội tỉnh - có ký số	VB Nội tỉnh - không ký số	Tổng số văn bản đi	Song song bản giấy - điện tử	Văn bản được ký số, gửi trên hệ thống		Văn bản không ký số
										Ký số 1 lần	Ký số nhiều lần	
26	Xã/thị trấn huyện Bình Lục	23956	23956	23956	0	22179	1777	1786	0	390	1192	204
27	UBND thị xã Duy Tiên	7613	7613	7611	2	6716	875	2563	41	41	2496	26
28	Xã/phường thị xã Duy Tiên	41798	41798	41797	1	37527	4271	718	76	75	605	38
29	UBND huyện Kim Bảng	8254	8254	8250	4	6807	1417	3146	0	736	1679	731
30	Xã/thị trấn huyện Kim Bảng	56062	56062	56061	1	45309	10753	2326	73	241	1633	452
31	UBND thành phố Phủ Lý	9912	9912	9912	0	8635	1247	10203	0	1752	8445	16
32	Xã/phường thành phố Phủ Lý	46895	46895	46891	4	44781	2114	21161	147	7795	13338	28

**Phụ lục III**  
**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÔNG DỊCH VỤ CÔNG VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số)*

STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tình hình xử lý hồ sơ; sử dụng chữ ký số
1.	Văn phòng UBND tỉnh	Không có hồ sơ	
2.	Thanh tra tỉnh	Không có hồ sơ	
3.	Sở Thông tin và Truyền thông	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
4.	Sở Nội vụ	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
5.	Sở Y tế	99,85	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
6.	Sở Công thương	99,83	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>



STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tình hình xử lý hồ sơ; sử dụng chữ ký số
7.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95,49	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
8.	Sở Xây dựng	99,28	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
9.	Sở Khoa học và Công nghệ	95,26	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
10.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	94,62	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Một số file kết quả chưa có chữ ký số (một số thủ tục phải ký trực tiếp)</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
11.	Sở Tài chính	88,07	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản (Ký số ở phần mềm chuyên ngành)</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> </ul>

STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tình hình xử lý hồ sơ; sử dụng chữ ký số
12.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	69,01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, chưa thực hiện thanh toán.</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
13.	Sở Giáo dục và Đào tạo	58,48	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Không tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến vì không có phí</li> </ul>
14.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	43,85	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
15.	Sở Tư pháp	16,96	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán.</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> </ul>

STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tình hình xử lý hồ sơ; sử dụng chữ ký số
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán.</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh nhiều hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
17.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Chưa sử dụng chữ ký số cho văn bản (Không đính tệp, không ký số vì có phần mềm chuyên ngành)</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm.</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh nhiều hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
18.	Sở Giao thông Vận tải	2,71	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm (Có phần mềm chuyên ngành)</li> <li>- Đã sử dụng chữ ký số cho văn bản (1 số thủ tục phải ký trực tiếp)</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến.</li> <li>- Một số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh nhiều hồ sơ trực tiếp nhưng không phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>
19.	UBND thị xã Duy Tiên	94,51	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Chưa sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Cấp xã nhập đủ hồ sơ</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>

STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%)	Tình hình xử lý hồ sơ; sử dụng chữ ký số
20.	UBND thành phố Phủ Lý	92,51	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã ký số văn bản ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Cấp xã nhập đủ hồ sơ</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
21.	UBND huyện Lý Nhân	66,21	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Đã ký số trực tiếp trên phần mềm</li> <li>- Cấp xã nhập đủ hồ sơ</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
22.	UBND huyện Bình Lục	60,50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Các xã nhập chưa đủ hồ sơ</li> <li>- Chưa ký số văn bản</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
23.	UBND huyện Kim Bảng	55,96	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Một số thủ tục đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Cấp xã nhập tương đối đủ hồ sơ</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>
24.	UBND huyện Thanh Liêm	43,60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầy đủ file kết quả lên phần mềm</li> <li>- Một số thủ tục đã sử dụng chữ ký số cho văn bản</li> <li>- Cấp xã nhập tương đối đủ hồ sơ</li> <li>- Đã tích hợp chữ ký số vào phần mềm</li> <li>- Đã tích hợp tài khoản ngân hàng để thanh toán trực tuyến, đã thực hiện thanh toán</li> </ul>

**Phụ lục IV**  
**KẾT QUẢ CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Kết quả cung cấp thông tin</b>
1.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã cập nhật, cung cấp thông tin đảm bảo theo quy định
2.	Sở Nội vụ	
3.	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4.	Sở Xây dựng	
5.	Văn phòng UBND tỉnh	
6.	Thanh tra tỉnh	
7.	Sở Giao thông Vận tải	
8.	Sở Khoa học và Công nghệ	
9.	Sở Y tế	
10.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11.	Sở Tài chính	
12.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
13.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
14.	Sở Tư pháp	
15.	Sở Công Thương	
16.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	
17.	UBND huyện Bình Lục	
18.	UBND huyện Kim Bảng	
19.	UBND thị xã Duy Tiên	

<b>STT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Kết quả cung cấp thông tin</b>
20.	UBND thành phố Phủ Lý	
21.	UBND huyện Thanh Liêm	
22.	UBND huyện Lý Nhân	
23.	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	- Chưa cập nhật chức năng nhiệm vụ. - Chưa cập nhật mới thông tin chỉ đạo, điều hành (từ tháng 2/2020).
24.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chưa cập nhật thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học (thông tin từ năm 2020).
25.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chưa cập nhật thông tin tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan.
26.	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao	Chưa cập nhật sơ đồ tổ chức.